

An Giang, ngày 17 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên Công ty Cổ phần XNK An Giang - Angimex

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (“BKS”) được quy định tại Điều lệ Công ty, các quy định có liên quan đến hoạt động của BKS, các Kiểm soát viên (“KSV”) đã họp và nhất trí thông qua báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 với các nội dung như sau:

**I. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2019, nhân sự của Ban Kiểm soát có 03 Kiểm soát viên, trong đó 1 Trưởng BKS và 2 Kiểm soát viên. Các kiểm soát viên đều hoạt động độc lập và không làm việc tại bộ phận kế toán của Công ty hoặc không phải là Kiểm toán viên độc lập Kiểm toán BCTC của công ty.

Trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ đã được quy định tại điều lệ Công ty, BKS đã chủ động thực hiện các công tác sau đây:

- Giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ trong toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Đại diện BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị (“HĐQT”) và nêu ý kiến đóng góp đối với các vấn đề liên quan đến HĐQT có thông tin quyết định;
- Giám sát việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và việc thực thi các Nghị quyết của HĐQT;
- Tham gia góp ý để hoàn thiện các quy chế, quy định và quy trình quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động trong Công ty;
- Tham gia giám sát công tác kiểm kê tài sản, hàng tồn kho 6 tháng đầu năm và cuối năm 2019. Đồng thời, đã đưa ra các khuyến nghị, cảnh báo để công ty có biện pháp phòng ngừa, khắc phục các rủi ro có thể phát sinh;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty; Thẩm định BCTC của Công ty theo Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán Việt Nam và đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán;
- Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ, BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành để tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đáp ứng yêu cầu chiến lược và kế hoạch kinh doanh ngắn và dài hạn của Công ty. Các đề xuất, kiến nghị của BKS được HĐQT, Tổng giám đốc (“TGD”) quan tâm chỉ đạo, thực hiện.

*A*

## **II. Đánh giá công tác quản trị điều hành năm 2019:**

Trong năm 2019, HĐQT đã tích cực triển khai nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hàng quý HĐQT tổ chức cuộc họp nhằm cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh và chỉ đạo kịp thời phương hướng hoạt động trong năm 2019. Ngoài ra, HĐQT cũng tổ chức các cuộc họp bất thường hoặc tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để giải quyết các vấn đề quan trọng của Công ty. Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong các Nghị quyết HĐQT và giao cho TGĐ triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, HĐQT kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện.

TGĐ triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT giao. TGĐ phân công, chỉ đạo phó TGĐ, Trưởng các Ngành/phòng/đơn vị trực thuộc triển khai cụ thể các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao và báo cáo kết quả thực hiện gửi HĐQT.

Kết quả thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT như sau:

### **1. Công tác thực hiện, triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):**

Trong năm 2019, HĐQT đã triển khai phù hợp theo các nội dung trong Nghị Quyết số 202/NQ-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 05/04/2019. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 như sau:

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019 (1)	Thực hiện năm 2019 (2)	% Kế hoạch (3=2/1)
<b>Doanh thu thuần hợp nhất</b>	2.258	2.120	94%
<b>Lợi nhuận trước thuế hợp nhất</b>	42	47	113%
<b>Lợi nhuận sau thuế hợp nhất</b>	36	40,32	112%
<b>Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ</b>	30	40,28	134%
<b>Đầu tư mới</b>	20,64	17,84	86%

- **Về kết quả kinh doanh:** Mặc dù tình hình kinh doanh trong năm 2019 có những khó khăn nhất định như: *Giá gạo xuất khẩu thấp, thị trường gạo cạnh tranh gay gắt, giá nông sản thấp, giá xe 2 bánh giảm sâu so với năm 2018...*, dẫn đến tổng doanh thu thuần chỉ đạt 94% so với kế hoạch đề ra, nhưng với những định hướng đúng đắn và kịp thời từ HĐQT và Ban điều hành, cùng sự nỗ lực của toàn thể CBNV, Công ty vẫn duy trì tốt đà tăng trưởng về lợi nhuận, bằng chứng là tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất đã hoàn thành vượt kỳ vọng, đạt 113% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao phó.

- **Về giá trị đầu tư cho sản xuất kinh doanh:** Thực hiện trong năm 2019 là 17,84 tỷ đồng tương ứng 86% so với kế hoạch. HĐQT và Ban điều hành luôn tuân thủ các quy định, quy chế của Công ty khi triển khai công việc và có sự cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng đối với từng hạng mục đầu tư nhằm tối ưu hiệu quả và chi phí, đáp ứng tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

A/

Hạng mục đầu tư	KH 2019	TH 2019	% KH
<b>Tổng cộng (A+B)</b>	<b>20,64</b>	<b>17,84</b>	<b>86%</b>
<b>A. THEO KẾ HOẠCH ĐHCĐ PHÊ DUYỆT</b>	<b>20,64</b>	<b>9,73</b>	
Ngành gạo	8,70	7,49	86%
Ngành Thương mại - Dịch vụ	8,30	0,32	4%
Ngành vật tư Nông nghiệp			
Ngành PTKD - A-Sotre	2,64	1,30	49%
VP Công ty	1,00	0,63	63%
<b>B. NGOÀI KẾ HOẠCH, ĐÃ ĐƯỢC HĐQT PHÊ DUYỆT THEO NQ 531/NQ-HĐQT NGÀY 31/10/2019</b>	-	<b>8,11</b>	
Ngành gạo	-	1,89	
Ngành Vật tư nông nghiệp	-	6,22	

- **Về công cụ quản lý và nhân sự:** Công ty luôn đề cao việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự, điều chỉnh và nâng cấp hệ thống quản trị (*quy trình, hệ thống quản lý,..*) theo hướng tinh gọn và hiệu quả, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

- **Các nội dung khác (cổ tức, thù lao HĐQT, BKS; lựa chọn đơn vị kiểm toán,..):** đã thực hiện phù hợp theo các nội dung trong NQ ĐHĐCD thường niên.

## 2. Công tác thực hiện, triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2019, các hoạt động của HĐQT Angimex đã được triển khai phù hợp theo các quy định pháp luật và điều lệ Công ty;
- HĐQT đã tổ chức 08 phiên họp, trong đó có 6 phiên họp trực tiếp và 02 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 19 Nghị quyết HĐQT và hầu hết đã được triển khai thực hiện.

## III. Thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán:

- ✓ Ban kiểm soát đã xem xét báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH EY Việt Nam, kết quả kiểm toán đã được xác nhận theo Báo cáo kiểm toán độc lập số **61063740/21196878-HN** ngày **12 tháng 03 năm 2020**.
- ✓ Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và các báo cáo liên quan, sau khi xem xét kiểm tra, BKS nhận thấy:
  - Các chứng từ kê toán được sắp xếp gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định;
  - Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; và
  - Các số liệu báo cáo tài chính năm 2019 phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 và cho năm tài chính kết thúc 31/12/2019.

Ban KS thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

**Chi tiết Báo cáo tài chính đã kiểm toán như sau:**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019:**

**ĐVT: Triệu VNĐ**

<b>Khoản mục</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng / (giảm)</b>	<b>% Tăng / (giảm)</b>	<b>Phân tích</b>
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản ngắn hạn	<b>591.014</b>	<b>404.308</b>	<b>186.706</b>	<b>46%</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.378	41.512	(4.134)	(10%)	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	194.706	28.900	165.806	574%	1
Các khoản phải thu ngắn hạn	100.457	57.882	42.575	74%	2
Hàng tồn kho	252.547	272.099	(19.552)	(7%)	3
Tài sản ngắn hạn khác	5.926	3.913	2.013	51%	4
Tài sản dài hạn	<b>181.048</b>	<b>180.110</b>	<b>938</b>	<b>1%</b>	
Phải thu dài hạn	800	526	274	52%	
Tài sản cố định	121.993	122.542	(549)	0%	
Tài sản chờ dang dài hạn	31	826	(795)	(96%)	
Đầu tư tài chính dài hạn	48.905	47.015	1.890	4%	5
Tài sản dài hạn khác	9.318	9.201	117	1%	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>772.062</b>	<b>584.417</b>	<b>187.645</b>	<b>32%</b>	
<b>NGUỒN VỐN</b>					
Nợ ngắn hạn	325.512	169.161	156.351	92%	6
Nợ dài hạn	5.187	5.438	(251)	(5%)	
Vốn chủ sở hữu	441.363	409.819	31.544	8%	7
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>772.062</b>	<b>584.417</b>	<b>187.645</b>	<b>32%</b>	

**Các chỉ số tài chính:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2019</b>	<b>2018</b>	<b>Công thức</b>
Hệ số thanh toán hiện hành (lần)	1,82	2,39	TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,02	0,76	(Tiền & các khoản tương đương tiền+khoản phải thu ngắn hạn+đầu tư tài chính ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn
Hệ số thanh toán tiền mặt (lần)	0,11	0,25	Tiền & các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn
Vòng quay tiền mặt (lần)	53,74	23,13	DT thuần*2/(Tiền & TĐT ĐK+Tiền & TĐT CK)
Vòng quay khoản phải thu (lần)	33,22	40,96	DT thuần/ Trung bình khoản phải thu KH Cuối kỳ
Số ngày phải thu trung bình (ngày)	10,99	8,91	365 / Vòng quay khoản phải thu
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	7,12	6,31	Giá vốn/ Trung bình hàng tồn kho cuối kỳ
Số ngày tồn kho trung bình (ngày)	51,23	57,84	365 / Vòng quay HTK
Vòng quay khoản phải trả (lần)	76,48	73,27	(Giá vốn+ HTK cuối kỳ-HTK đầu kỳ)/ Trung bình khoản phải trả NCC cuối kỳ
Số ngày phải trả trung bình (ngày)	4,77	4,98	365 / Vòng quay khoản phải trả NCC
Chu kỳ luân chuyển tiền mặt (ngày)	57,45	61,17	Số ngày phải thu trung bình + Số ngày tồn kho trung bình - Số ngày phải trả trung bình

A/

Chỉ tiêu	2019	2018	Công thức
<b>TỶ SỐ SINH LỢI (%)</b>			
Tỷ số sinh lợi của tài sản	5%	5%	NPAT/Tổng TS
Tỷ số sinh lợi trên vốn CSH	9%	8%	NPAT/VSCH
<b>TỶ SỐ ĐÒN BẤY TÀI CHÍNH (%)</b>			
Tổng nợ có phát sinh lãi / Tổng tài sản	35%	16%	Tổng nợ có phát sinh lãi / Tổng tài sản
Tổng nợ / Tổng tài sản	43%	30%	Tổng nợ / Tổng tài sản
Tổng nợ có phát sinh lãi / Tổng VCSH	61%	23%	Tổng nợ có phát sinh lãi / Tổng VCSH
Tổng nợ / Tổng VCSH	75%	43%	Tổng nợ / Tổng VCSH

#### Phân tích các chỉ số tài chính và bảng cân đối kế toán:

- ✓ Tổng tài sản của Công ty trong năm 2019 có sự biến động tương đối mạnh (tăng 187.6 tỷ, tương ứng 32%) so với năm 2018, chủ yếu là do sự gia tăng của khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tăng 165,8 tỷ, tương ứng 574%) và khoản phải thu ngắn hạn (tăng 42,6 tỷ, tương ứng 74%). Hàng tồn kho có sự biến động nhẹ (giảm 7%) trong khi các khoản phải thu khách hàng tăng 52% (từ 50,6 tỷ năm 2018 tăng lên 76,9 tỷ năm 2019), nguyên nhân là do Công ty đang tập trung phát triển các khách hàng doanh nghiệp trong nước quy mô lớn, kinh doanh về bia và thực phẩm, do đó, chủ động tạo điều kiện thuận lợi cho KH về chính sách tín dụng, điển hình như Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina, Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam, Negoce Comptoir De L'oi.
- ✓ Năm 2019, chu kỳ luân chuyển tiền mặt giảm 4,3 ngày chủ yếu là do số ngày tồn kho bình quân giảm 6,6 ngày trong khi số ngày phải thu bình quân tăng nhẹ 2 ngày, qua đó thể hiện sự cải thiện về hiệu quả trong việc sử dụng nguồn vốn và quản lý hàng tồn kho.
- ✓ Cơ cấu nguồn vốn: Hệ số Nợ/ VCSH là 75% (2018: 43%) và Hệ số Nợ/Tổng tài sản là 43% (2018: 30%), cho thấy sự gia tăng đáng kể của các khoản vay, đặc biệt là khoản vay phát sinh lãi so với năm 2018. Tuy nhiên, việc này nằm trong tính toán của Công ty khi tận dụng nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi từ các ngân hàng để tăng hiệu quả tài chính trong ngắn hạn.
- ✓ Bên cạnh đó, việc sử dụng mạnh đòn bẩy tài chính trong năm 2019 cũng đã phần nào ảnh hưởng đến hệ số thanh toán hiện hành của công ty, khi hệ số này đã có sự giảm mạnh từ 2,39 năm 2018 xuống còn 1,82 trong năm 2019. Mặc dù, hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh hiện tại của Công ty vẫn tốt nhưng Công ty cần xem xét lại chính sách tín dụng để tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản trong tương lai.

#### A. Tài sản:

- Tổng tài sản Công ty ("TTS") năm 2019 đạt 772 tỷ đồng, tăng 187,6 tỷ đồng (tương ứng 32%) so với cùng kỳ, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 77%, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 23% trong cơ cấu tổng tài sản. Mức tăng TTS chủ yếu do sự gia tăng của tài sản ngắn hạn, tăng 186,7 tỷ (tương ứng 46%), chi tiết một số nguyên nhân chính như sau:

1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 165,8 tỷ đồng (tương ứng 574%), nguyên nhân chủ yếu do tăng khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn 165,6 tỷ đồng bằng nguồn tài trợ từ các khoản cho vay lãi suất ưu đãi từ ngân hàng
2. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 42,6 tỷ đồng (tương ứng 74%), chủ yếu do:
  - Các khoản phải thu khách hàng tăng 26,3 tỷ đồng: trong đó chiếm tỷ trọng lớn là các khách hàng mới như Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina (6,7 tỷ), Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam (7,3 tỷ), Negoce Comptoir De L'oi (5 tỷ).

AV

- Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 18,1 tỷ đồng: chủ yếu là các khoản trả trước ngắn hạn của công ty mẹ cho Honda VN (7,53 tỷ), trả trước cho các hộ nông dân trong việc bao tiêu thu mua lúa (6 tỷ) và khoản trả trước cho việc mua tài sản của công ty con (Dasco) trong năm 2019 (6,2 tỷ).
  - Các khoản phải thu khác tăng 2,2 tỷ đồng, trong đó chủ yếu liên quan đến lãi tiền gửi ngân hàng dự thu của khoản tiền gửi có kỳ hạn.
3. Hàng tồn kho giảm 19,6 tỷ (tương đương 7%) trong đó thành phẩm giảm mạnh khoảng 64 tỷ (tương đương 46%) nhưng bù lại, hàng hóa tăng 12,9 tỷ, nguyên vật liệu tăng 31 tỷ. Công ty đã chủ động dự trữ nguồn nguyên vật liệu để chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất kinh doanh sắp tới.
  4. Tài sản ngắn hạn khác tăng 2 tỷ (tương đương 51%) chủ yếu do thuê GTGT được khấu trừ tăng so với năm 2018.
  5. Đầu tư tài chính dài hạn: trong năm 2019 vẫn giữ nguyên tỉ lệ sở hữu như năm 2018 đối với hai công ty liên doanh liên kết là Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn An Giang (25%) và Công ty Angimex – Kitoku (32,96%), tuy nhiên giá trị đầu tư có sự biến động nhẹ từ việc đóng góp lợi nhuận phát sinh trong năm của hai công ty, đồng thời khấu trừ phần cổ tức công ty mẹ được nhận cùng kỳ. Ngoài ra, số liệu đầu kỳ dùng để so sánh trong BCTC kiểm toán hợp nhất 2019 có sự khác biệt lớn so với số dư cuối kỳ trong BCTC kiểm toán 2018 (riêng), nguyên nhân chính là do:
    - Năm 2019, Công ty đã mua và sở hữu 98,3% vốn cổ phần & quyền biểu quyết tại Công Dasco và lần đầu tiên có công ty con;
    - Năm 2019 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, dữ liệu so sánh chỉ bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, ngoại trừ khoản mục đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày theo phương pháp **vốn chủ sở hữu**.

#### B. Nguồn vốn:

6. Nợ ngắn hạn tăng 156,3 tỷ (tương ứng 92%) so với cùng kỳ, chủ yếu do khoản vay ngắn hạn tăng 177,2 tỷ đồng để chủ động nguồn vốn hoạt động và tận dụng hiệu quả tài chính trong ngắn hạn như đề cập tại mục A.1 ở trên.
7. Vốn chủ sở tăng 31,5 tỷ (tương đương 8%) chủ yếu do Công ty đã thực hiện chia cổ tức 9,1 tỷ (5%/VĐL) theo NQ ĐHĐCĐ thông qua và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 40 tỷ năm nay chưa phân phối.

A

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019:

ĐVT: Triệu VNĐ

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng / (giảm)	% Tăng / (giảm)	Phân tích
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.120.479	2.075.178	45.300	2%	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(833)	(1.873)	1.041	(56%)	
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.119.646	2.073.305	46.341	2%	1
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.939.796)	(1.917.013)	(22.783)	1%	
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.850	156.292	23.558	15%	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	10.043	8.432	1.611	19%	2
7. Chi phí tài chính	(12.707)	(10.546)	(2.161)	20%	
Trong đó: Chi phí lãi vay	(10.605)	(7.196)	(3.409)	47%	
8. Phân lãi trong công ty liên doanh, liên kết	6.258	8.717	(2.460)	(28%)	
9. Chi phí bán hàng	(123.922)	(113.292)	(10.629)	9%	3
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(20.007)	(15.598)	(4.409)	28%	4
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.516	34.005	5.511	16%	
12. Thu nhập khác	8.880	4.910	3.970	81%	
13. Chi phí khác	(1.050)	(1.569)	519	(33%)	
14. Lợi nhuận khác	7.830	3.341	4.489	134%	
15. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	47.346	37.346	10.000	27%	1
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(6.967)	(5.839)	(1.128)	19%	
17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(58)	66	(124)	(187%)	
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.321	31.573	8.748	28%	
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	40.285	31.573	8.712	28%	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	35,6	-	35,6	N/A	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.213	1.673	540	32%	

Chi tiết doanh thu – lợi nhuận theo ngành:

ĐVT: Triệu VNĐ

Khoản mục	TH 2019	TH 2018	Tăng/giảm	%
Doanh thu	2.119.646	2.073.305	46.341	2%
- Ngành gạo	1.388.912	1.456.463	(67.551)	(5%)
- Ngành Thương mại - Dịch vụ	665.958	592.830	73.128	12%
- Ngành PTKD - mảng phân bón & giống	58.329	22.527	35.802	159%
- Ngành PTKD - mảng A-Store	3.676	235	3.441	1464%
- Khác	2.771	1.250	1.521	122%
Lợi nhuận trước thuế	47.346	37.346	10.000	27%
- Ngành gạo	10.099	7.308	2.791	38%
- Ngành Thương mại - Dịch vụ	17.892	17.880	12	0,1%
- Ngành PTKD - mảng phân bón & giống	1.698	292	1.406	482%
- Ngành PTKD - mảng A-Store	(1.808)	-	(1.808)	N/A
- Khác	19.466	11.866	7.600	64%

AV

Cơ cấu chi phí/doanh thu

ĐVT: Triệu VNĐ

Chi tiêu	2019	2018
<b>Doanh thu thuần</b>	2.119.646	2.073.305
<b>Lãi gộp</b>	179.850	156.292
<b>LG/DT</b>	8,5%	7,5%
<b>Chi phí hoạt động = (1)+(2)+(3)</b>	(156.635)	(139.436)
<b>CPHD/DT</b>	7,4%	6,7%
+ Chi phí tài chính (1)	(12.707)	(10.546)
<b>CPTC/DT</b>	0,6%	0,5%
+ Chi phí bán hàng (2)	(123.922)	(113.292)
<b>CPBH/DT</b>	5,8%	5,5%
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp (3)	(20.007)	(15.598)
<b>CPQL/DT</b>	0,9%	0,8%

Phân tích một số điểm chính trong báo cáo KOKD:

- Trong năm 2019, doanh thu thuần Công ty tăng 46,3 tỷ (tương ứng 2%), chủ yếu do sự tăng trưởng doanh thu từ ngành thương mại dịch vụ (tăng 73 tỷ) và Ngành PTKD - mảng phân bón & giống (tăng 35,8 tỷ). Bên cạnh đó, do sự cạnh tranh gay gắt tại thị trường nội địa và từ các nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới, doanh thu từ ngành gạo đã có sự sụt giảm (giảm 67,5 tỷ, tương ứng 5%) so với cùng kỳ. Tuy nhiên, HĐQT và Ban điều hành đã có những giải pháp ứng phó kịp thời, quyết định chuyển dịch định hướng bán hàng sang gạo thơm và gạo chất lượng cao đã phát huy hiệu quả, góp phần đưa biên lợi nhuận gộp chung tăng từ 7,5% trong năm 2018 lên 8,5% trong năm 2019.

**Lợi nhuận trước thuế tăng 27% so với cùng kỳ chủ yếu đến từ:**

- Ngành gạo: Sự cải thiện đáng kể của ngành gạo (tăng 38% so với cùng kỳ) do việc tăng hiệu quả các sản phẩm gạo đầu ra và kiểm soát tốt chi phí đầu vào;
- Ngành vật tư nông nghiệp (phân bón & giống): đây là ngành nghề mới do Công ty hợp nhất kết quả từ công ty Dasco sau khi mua ngày 18/01/2019.

Các ngành kinh doanh mới được hình thành cuối năm 2018 và đầu 2019 gồm: ngành PTKD - mảng A-Store và Ngành PTKD - mảng phân bón & giống vẫn trong giai đoạn tìm hiểu thị trường, nghiên cứu và phát triển sản phẩm tiềm năng, hoàn thiện mô hình bán hàng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

- Hoạt động khác: Chủ yếu là việc tận dụng những ưu đãi từ đối tác để tăng hiệu quả tài chính trong ngắn hạn; lãi từ giao dịch mua rẻ công ty Dasco.
  - Ngoài ra, cơ cấu chi phí hoạt động/doanh thu chỉ tăng nhẹ 0,7% (từ 6,7% trong năm 2018 lên 7,4% trong năm 2019) trong khi lãi gộp tăng tương ứng từ 7,5% lên 8,5%. Qua đây cho thấy, Công ty có sự kiểm soát chi phí hoạt động hiệu quả giúp góp phần tăng hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm 2019.
- Doanh thu tài chính tăng 1,6 tỷ (tương ứng 19%) chủ yếu là từ phần lãi tiền gửi ngân hàng tăng 1,6 tỷ (tương ứng 28%).
  - Chi phí bán hàng tăng 10,6 tỷ (tương ứng 9%) chủ yếu là chi phí cho mảng phát triển cửa hàng A-store mới đi vào hoạt động, và việc mở rộng kinh doanh ngành thương mại dịch vụ.

Ngoài ra, trong năm 2019, công ty đã chú trọng hơn đến việc quảng bá thương hiệu Angimex và các sản phẩm gạo ra thị trường quốc tế thông qua việc tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại. Đây là sự chuẩn bị cần thiết và là hướng đi phù hợp cho việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 4,4 tỷ (tương ứng 28%) chủ yếu là khoản tăng từ chi phí cho nhân viên vì công ty đang định hướng thu nhập gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty.

#### **IV. Một số kiến nghị của Ban kiểm soát:**

- **Về chiến lược:** Công ty cần xem xét, đánh giá và xây dựng chiến lược phát triển Công ty và chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình thực tế để trình ĐHĐCD thông qua trong thời gian tới.
- **Về hoạt động kinh doanh:**
  - HĐQT và Ban điều hành cần duy trì tốt đà tăng trưởng hiện tại, thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động bán hàng và mạng lưới kinh doanh trong và ngoài nước để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình kinh doanh năm 2020. Tận dụng tối đa ưu thế về kinh nghiệm, uy tín chất lượng và thương hiệu sẵn có, nỗ lực tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới, mở rộng thị trường cho từng ngành hàng, mở rộng vùng nguyên liệu. Ngoài ra, thực hiện nghiên cứu và định hướng các chính sách bán hàng phù hợp đối với ngành lương thực, nhằm nắm bắt cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu vào Châu Âu khi hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực.
  - Nâng cao hiệu quả phối hợp xử lý công việc giữa các bộ phận/phòng ban, đặc biệt trong công tác dự toán, điều phối hàng hóa giữa bộ phận kinh doanh, cung ứng và bộ phận sản xuất, nhằm phát huy tối đa vai trò, trách nhiệm và chức năng của từng BP/Phòng ban, tăng hiệu quả hoạt động.
- **Về hoạt động marketing:** Công ty cần nâng cao hơn nữa hình ảnh, thương hiệu Angimex thông qua việc thực hiện các chương trình Marketing, khuyến mãi, tham gia các hội chợ quốc tế, xúc tiến thương mại. Chú trọng việc xây dựng kế hoạch/chiến dịch marketing phù hợp đối với từng ngành hàng/sản phẩm để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- **Về nhân sự:** Cần tăng cường đào tạo nhân sự nhằm nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.
- **Về hoạt động sản xuất và nghiên cứu:** Tìm kiếm thêm các giải pháp mới để cải tiến quy trình sản xuất, ứng dụng công nghệ để giảm thiểu chi phí và hạ giá thành nhưng vẫn đảm bảo chất lượng nhằm tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm trên thị trường.
- **Về công cụ quản trị:** Cần rà soát và điều chỉnh các tài liệu quản trị nội bộ hiện hành theo hướng ngắn gọn và hiệu quả. Xây dựng thêm các tài liệu khác (nếu cần) để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.



## V. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

- Xây dựng chiến lược kiểm toán và quản trị rủi ro trong 3 – 5 năm tới dựa trên kế hoạch, chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nội bộ Công ty tiến hành đánh giá và thực hiện kiểm soát các hoạt động tiềm ẩn rủi ro cao trong năm 2020.
- Tiếp tục hỗ trợ Công ty cải tiến các **tài liệu quản trị nội bộ** để tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập sau khi kiểm toán BCTC năm 2020 và theo dõi ý kiến phản hồi của HĐQT và TGĐ;
- Thực hiện giám sát nội dung, tiến độ việc lập và kiểm toán BCTC năm 2020;
- Trình báo cáo thẩm định BCTC đã được kiểm toán năm 2020, kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban TGĐ trong năm 2020 lên ĐHĐCĐ thường niên;
- Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT (thường kỳ và bất thường) để giám sát hoạt động quản trị điều hành của HĐQT và TGĐ;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và bất thường (nếu có) và các Nghị quyết của HĐQT; và
- Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần XNK An Giang - Angimex năm tài chính 2019 và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm tài chính 2020.

Trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



NGUYỄN ÁI